

Số: *1550* /SKHĐT-KTĐN
V/v Đề nghị thực hiện báo cáo đăng
ký về hoạt động đầu tư theo quy định
của Luật Đầu tư.

Sơn La, ngày *23* tháng 8 năm 2021

Kính gửi:

- Các nhà đầu tư thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/04/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La về quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thẩm định, quản lý và giám sát đối với các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 72 Luật Đầu tư, khoản 1, Điều 12, Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021. Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các nhà đầu tư báo cáo tình hình thực hiện dự án với nội dung sau:

1. Đối với các Nhà đầu tư:

1.1. Đối với nhà đầu tư trong nước.

- Thực hiện báo cáo quý, năm theo mẫu số A.I.20, Phụ lục A, thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/04/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi về phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, thành phố nơi thực hiện dự án.

- Hình thức báo cáo: Bảng văn bản (*mẫu A.I.20 gửi kèm theo*).

- Thời hạn báo cáo: Báo cáo quý, 6 tháng và năm chậm nhất 10/3 hàng quý, chậm nhất 10/6, 10/11 hàng năm.

- Theo kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong năm 2021 việc chấp hành chế độ báo cáo của các nhà đầu tư chưa đầy đủ, do vậy đối với báo cáo quý III/2021 đề nghị các nhà đầu tư chấp hành chế độ báo cáo gửi sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất ngày 15/9/2021.

- Việc chấp hành báo cáo đầy đủ là cơ sở để các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố kịp thời hỗ trợ các đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; Là cơ sở để sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét giải quyết các hồ sơ dự án đề xuất điều chỉnh dự án.

1.2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài (FDI):

- Thực hiện báo cáo quý, năm theo mẫu số, Phụ lục A, thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/04/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Hình thức báo cáo: Thực hiện trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư (mẫu A.III.1, A.III.2 gửi kèm theo).

- Thời hạn báo cáo: Báo cáo quý được thực hiện trước ngày 10 của tháng đầu quý sau quý báo cáo, Báo cáo năm được thực hiện trước ngày 31 tháng 3 năm sau của năm báo cáo.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

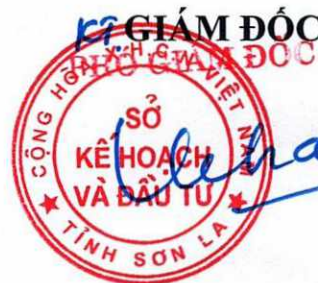
- Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 3, Điều 12, Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Sơn La.

Nhà đầu tư có thể tra cứu thông tin văn bản, biểu mẫu báo cáo trên website của Sở Kế hoạch và Đầu tư: <http://sokehoachvadautu.sonla.gov.vn> hoặc liên hệ cán bộ phòng kinh tế đối ngoại (điện thoại 0212.3.852.723) để được phối hợp, hướng dẫn.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Nhà đầu tư, UBND các huyện, thành phố phối hợp thực hiện, đảm bảo nội dung chất lượng và tiến độ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh; (b/c)
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Chi hội doanh nghiệp các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, KTĐN (Hùng.1b). 100b.



Hà Ngọc Châu

Mẫu A.I.20**Báo cáo thực hiện dự án đầu tư***(Các điểm b và c khoản 2 Điều 37, Điều 72 Luật Đầu tư)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BÁO CÁO THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)***I. TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN****1. Tên tổ chức kinh tế:****2. Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức số:**do *(tên cơ quan cấp)* cấp lần đầu ngày:....., lần điều chỉnh gần nhất *(nếu có)* ngày.....**3. Mã số thuế:****4. Địa chỉ trụ sở chính:***(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).*Điện thoại: Fax:..... Email:..... Website *(nếu có)*:**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Mục tiêu hoạt động | Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4) | Mã ngành CPC* (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có) |
|-----|---------------------------------|--|---|
| 1 | <i>(Ngành kinh doanh chính)</i> | | |
| 2 | | | |

*Ghi chú:**- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.**- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.***6. Vốn điều lệ:** *(bằng số)* đồng và tương đương *(bằng số)* đô la Mỹ *(tỷ giá..... ngày..... của.....)*.**7. Tỷ lệ góp vốn của từng nhà đầu tư:**

| STT | Tên nhà đầu tư | Quốc tịch | Số vốn góp | | |
|-----|----------------|-----------|------------|-----------------|-----------|
| | | | VNĐ | Tương đương USD | Tỷ lệ (%) |
| | | | | | |

II. Báo cáo thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

1. Tên dự án đầu tư:

2. Số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

3. Mục tiêu dự án:

4. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha)
- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch).
- Công suất thiết kế
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp
- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...)

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:..... m^2 ;
- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:..... m^2 ;
- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);
- Số lượng nhà ở: căn;
- Quy mô dân số: người;
- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:.....(có/không);
- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:.....(có/không);
- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:.....(có/không);

5. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

6. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): m^2 hoặc ha

7. Tổng vốn đầu tư của dự án: (bằng số) đồng và tương đương (bằng số) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

8. Thời hạn hoạt động của dự án: năm, kể từ ngày

9. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

+ Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :

+ Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)

c) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

10. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ lúc dự án triển khai đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

11. Số lao động sử dụng (tính từ lúc dự án triển khai)

Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có); mức thu nhập bình quân của người lao động

12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính (tính từ lúc dự án triển khai)

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,.....

13. Việc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng...và các quy định pháp luật khác

14. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đang được hưởng (nếu có).

15. Các khó khăn và những kiến nghị cần giải quyết (nếu có):

III. TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

....., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Tùng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có).

III. Biểu mẫu báo cáo định kỳ của tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư

Mẫu A.III.1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUÝ...

(Quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 72 Luật Đầu tư và khoản 1, khoản 2, Điều 102 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)

(Tổ chức kinh tế có nhiều dự án thì mỗi dự án báo cáo 1 biểu riêng. Thời hạn báo cáo: trước ngày 10 tháng đầu của quý sau quý báo cáo. Báo cáo chỉ thực hiện trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư)

TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Nơi nhận: Cơ quan đăng ký đầu tư;
Cơ quan thống kê tại địa phương.

Phần A: Thông tin chung về dự án đầu tư

| | | |
|--------------------------------------|--|-------------------|
| Tên dự án / Tên Hợp đồng BCC | | |
| Mã số dự án/ Số GCNĐT | | Ngày cấp: |
| Cơ quan cấp GCNĐKT: | | |
| Địa điểm dự án: | | |
| Tổng vốn đầu tư đăng ký | | |
| Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án: | | |
| Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế | | Ngày cấp lần đầu: |
| Cơ quan cấp Đăng ký kinh doanh | | |
| Địa chỉ: | | |
| Số điện thoại: | | Email: |

Phần B: Tình hình thực hiện dự án đầu tư

| Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số liệu thực hiện Quý báo cáo | Số liệu cộng dồn từ đầu năm đến cuối Quý báo cáo | Số liệu cộng dồn từ khi được cấp GCNĐKT đến cuối Quý báo cáo |
|---|-------------|-------------------------------|--|--|
| I. Vốn đầu tư thực hiện (I = 1 + 2 + 3) | USD | | | |
| 1. Vốn góp (liệt kê theo từng nhà đầu tư) | USD | | | |
| 1.1. Nhà đầu tư Việt Nam | | | | |
| Tên nhà đầu tư thứ nhất | USD | | | |
| Mã số thuế nhà đầu tư thứ nhất | | | | |
| <i>Chia ra:</i> | | | | X |
| - Bằng tiền | USD | | | |
| - Máy móc, thiết bị | USD | | | |
| - Tài sản khác | USD | | | |
| Tên nhà đầu tư tiếp theo | USD | | | |
| Mã số thuế nhà đầu tư tiếp theo | | | | |
| | USD | | | |
| 1.2. Nhà đầu tư nước ngoài | USD | | | |
| Tên nhà đầu tư thứ nhất | USD | | | |
| Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư thứ nhất | | | | |
| <i>Chia ra:</i> | | | | X |
| - Bằng tiền | USD | | | |
| - Máy móc, thiết bị | USD | | | |
| - Tài sản khác | USD | | | |
| Tên nhà đầu tư tiếp theo | | | | |
| Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư tiếp theo | | | | |
| | | | | |

| Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số liệu thực hiện Quý báo cáo | Số liệu cộng dồn từ đầu năm đến cuối Quý báo cáo | Số liệu cộng dồn từ khi được cấp GCNĐKĐT đến cuối Quý báo cáo |
|---|-------------|-------------------------------|--|---|
| 2. Vốn vay | USD | | | |
| Vay trong nước | USD | | | |
| Vay từ công ty mẹ ở nước ngoài | USD | | | |
| Vay nước ngoài khác | USD | | | |
| 3. Lợi nhuận tái đầu tư | USD | | | |
| II. Doanh thu thuần | USD | | | X |
| III. Giá trị hàng xuất khẩu | USD | | | |
| IV. Giá trị hàng nhập khẩu | USD | | | |
| V. Số lao động hiện có đến thời điểm báo | Người | | | |
| 1. Lao động Việt Nam | Người | | X | |
| 2. Lao động nước ngoài | Người | | | |
| VI. Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà | USD | | | |
| VII. Diện tích đất, mặt nước đã sử dụng | m2 | | | |

Phần C: Cập nhật khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án (nếu có)

(Nêu cụ thể khó khăn, vướng mắc, kiến nghị và hướng giải quyết)

Ghi chú:

- Vốn vay = tổng vay trong kỳ trừ số trả nợ trong kỳ (bao gồm cả vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn)
- Đối với các dự án của nhà đầu tư trong nước, dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư bằng Việt Nam đồng thì đơn vị báo cáo là "Triệu VNĐ"
- Không báo cáo vào các ô đánh dấu "X"

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)

Mẫu A.III.2**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM...**

(Quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 72 Luật Đầu tư và khoản 1, khoản 3, Điều 102 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)
(Tổ chức kinh tế có nhiều dự án thì mỗi dự án báo cáo 1 biểu riêng. Thời hạn báo cáo: trước ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo. Báo cáo chỉ thực hiện trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư)

TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Nơi nhận: Cơ quan đăng ký đầu tư;
Cơ quan thống kê tại địa phương.

Phần A: Thông tin chung về dự án đầu tư

| | | |
|--------------------------------------|--|-------------------|
| Tên dự án / Tên Hợp đồng BCC | | |
| Mã số dự án/ Số GCNĐT | | Ngày cấp: |
| Cơ quan cấp GCNĐKT: | | |
| Địa điểm dự án: | | |
| Tổng vốn đầu tư đăng ký | | |
| Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án: | | |
| Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế | | Ngày cấp lần đầu: |
| Cơ quan cấp Đăng ký kinh doanh | | |
| Địa chỉ: | | |
| Số điện thoại: | | Email: |

Phần B: Tình hình thực hiện dự án đầu tư

| Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số liệu thực hiện năm báo cáo | Số liệu cộng dồn từ khi được cấp phép đến cuối năm báo cáo |
|---|-------------|-------------------------------|--|
| I. Vốn đầu tư thực hiện ($I = 1 + 2 + 3$) | USD | | |
| 1. Vốn góp (liệt kê theo từng nhà đầu tư) | USD | | |
| 1.1. Nhà đầu tư Việt Nam | | | |
| Tên nhà đầu tư thứ nhất | USD | | |
| Mã số thuế nhà đầu tư thứ nhất | | | |
| <i>Chia ra:</i> | | | |
| - Bằng tiền | USD | | |
| - Máy móc, thiết bị | USD | | |
| - Tài sản khác | USD | | |
| Tên nhà đầu tư tiếp theo | USD | | |
| Mã số thuế nhà đầu tư tiếp theo | | | |
| | USD | | |
| 1.2. Nhà đầu tư nước ngoài | USD | | |
| Tên nhà đầu tư thứ nhất | USD | | |
| Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư thứ nhất | | | |
| <i>Chia ra:</i> | | | |
| - Bằng tiền | USD | | |
| - Máy móc, thiết bị | USD | | |
| - Tài sản khác | USD | | |
| Tên nhà đầu tư tiếp theo | | | |
| Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư tiếp theo | | | |
| | | | |
| 2. Vốn vay | USD | | |
| Vay trong nước | USD | | |
| Vay từ công ty mẹ ở nước ngoài | USD | | |
| Vay nước ngoài khác | USD | | |

| Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Số liệu thực hiện năm báo cáo | Số liệu cộng dồn từ khi được cấp phép đến cuối năm báo cáo |
|---|-------------|-------------------------------|--|
| 3. Lợi nhuận tái đầu tư | USD | | |
| II. Doanh thu thuần | USD | | X |
| III. Giá trị hàng xuất khẩu | USD | | |
| IV. Giá trị hàng nhập khẩu | USD | | |
| V. Số lao động hiện có đến thời điểm báo | người | | |
| 1. Lao động Việt Nam, | người | | |
| 2. Lao động nước ngoài | người | | |
| VI. Thu nhập bình quân của người lao động 1 tháng | Triệu VNĐ | | |
| VII. Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà | USD | | |
| VIII. Lợi nhuận sau thuế | USD | | |
| IX. Chi phí đầu tư, nghiên cứu và phát triển | USD | | |
| X. Chi phí đầu tư xử lý và bảo vệ môi trường | USD | | |
| XI. Nguồn gốc công nghệ sử dụng (quốc gia xuất xứ của máy móc, thiết bị chính được sử | | | |

Phần C: Cập nhật khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án (nếu có)

(Nêu cụ thể khó khăn, vướng mắc, kiến nghị và hướng giải quyết)

Ghi chú:

- *Vốn vay* = tổng vay trong kỳ trừ số trả nợ trong kỳ (bao gồm cả vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn)
- Đối với các dự án của nhà đầu tư trong nước, dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư bằng Việt Nam đồng thì đơn vị báo cáo là "Triệu VNĐ"
- Không báo cáo vào các ô đánh dấu "X"

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)